

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STTTT-CNTT

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2024

V/v báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện
Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 1/7/2014
của Bộ Chính trị

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể tỉnh;
- Các thành ủy, huyện ủy, thị ủy.

Thực hiện Công văn số 3023-CV/TU ngày 04/5/2024 của Tỉnh ủy Bắc Giang về việc tham mưu báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 1/7/2014 của Bộ Chính trị,

Để có cơ sở tham mưu báo cáo Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các sở, ban, ngành, đảng, đoàn thể tỉnh, các thành ủy, huyện ủy, thị ủy, các đảng ủy, tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW (có đề cương báo cáo gửi kèm) và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 10/5/2024 để tổng hợp báo cáo ban cán sự đảng UBND tỉnh. Bản mềm báo cáo gửi về địa chỉ: hoavt_stttt@bacgiang.gov.vn.

Thông tin khác liên hệ: Bà Vũ Thanh Hòa – Phó Trưởng phòng CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông, ĐT: 0886 070 228.

Trân trọng cảm ơn!

(Gửi kèm Công văn này Công văn 3023-CV/TU ngày 4/5/2024 của Tỉnh ủy, Công văn số 43-CV/BCSD ngày 26/4/2024 của Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền thông).

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng VH TT các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Chiêu

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW NGÀY 01-7-2014 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ (KHÓA XI) VỀ ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

*(Kèm theo Công văn -STTTT-CNTT ngày /5/2024 của Sở
Thông tin và Truyền thông)*

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Việc tổ chức học tập, quán triệt; xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.
2. Công tác tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện.
3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.
4. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW.

II. CÔNG TÁC THỂ CHẾ HÓA

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách
2. Hoàn thiện và bổ sung quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn và hệ thống chỉ tiêu đánh giá
3. Hoàn thiện cơ chế tài chính và đầu tư
4. Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển thị trường
5. Chính sách thu hút và đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức
6. Các chính sách khác.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW

1. Về xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin quốc gia đồng bộ, hiện đại

- a) Những kết quả đạt được
 - Công tác quy hoạch tổng thể phát triển hạ tầng thông tin,...
 - Xây dựng hạ tầng thông tin hiện đại, đồng bộ, liên thông; kết nối băng rộng, chất lượng cao đến tất cả các xã, phường, thị trấn, cơ sở giáo dục; kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương;

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.
- Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp bộ, cấp tỉnh và việc kết nối, chia sẻ dữ liệu các cấp (nêu rõ danh mục các cơ sở dữ liệu).
- Triển khai và sử dụng có hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan đảng và nhà nước.

b) Những kết quả chưa đạt được:

Đánh giá và phân tích những kết quả chưa đạt được.

c) Nguyên nhân:

Đánh giá và phân tích những nguyên nhân không đạt được mục tiêu đề ra (cả chủ quan và khách quan).

2. Ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi, thiết thực, có hiệu quả cao

a) Những kết quả đạt được

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, các lĩnh vực, nhất là các ngành kinh tế, kỹ thuật để nâng cao sức cạnh tranh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng (giáo dục, y tế, giao thông, điện, thủy lợi, hạ tầng đô thị lớn...), ...

- Ứng dụng CNTT vào quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các tổ chức, doanh nghiệp. Ứng dụng CNTT trong quản trị, sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty và ngân hàng thương mại; ứng dụng CNTT trong giáo dục, y tế, giao thông, điện, thủy lợi, hạ tầng đô thị lớn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn,...

- Ứng dụng khác...

*** Ghi chú: Nội dung báo cáo phải nêu được tên, quy mô phạm vi, số liệu về kết quả, hiệu quả ứng dụng đạt được.**

b) Những kết quả chưa đạt được:

Đánh giá và phân tích những kết quả chưa đạt được.

c) Nguyên nhân:

Đánh giá và phân tích những nguyên nhân không đạt được mục tiêu đề ra (cả chủ quan và khách quan).

3. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

a) Những kết quả đạt được

- Phát triển công nghiệp CNTT thành ngành kinh tế - kỹ thuật tăng trưởng nhanh và bền vững, có vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng phát triển kinh tế tri thức. Cơ cấu lại các hoạt động sản xuất CNTT theo hướng tăng hàm lượng công nghệ và tăng tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm và dịch vụ.

- Áp dụng mức ưu đãi cao nhất về thuế, đất đai, tín dụng cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất và dịch vụ công nghệ thông tin. Xây dựng hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế,...

- Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) về CNTT.
- Hình thành các chuỗi các khu CNTT tập trung,...
- Các kết quả khác...

*** Ghi chú: Nội dung báo cáo phải nêu được số liệu về kết quả, hiệu quả mang lại tương ứng các nhiệm vụ.**

b) Những kết quả chưa đạt được:

Đánh giá và phân tích những kết quả chưa đạt được.

c) Nguyên nhân:

Đánh giá và phân tích những nguyên nhân không đạt được mục tiêu đề ra (cả chủ quan và khách quan).

4. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin

a) Những kết quả đạt được

- Số lượng.
- Chất lượng.
- Cơ cấu.

*** Ghi chú: Nội dung báo cáo phải nêu được số liệu về kết quả, hiệu quả mang lại tương ứng các nhiệm vụ.**

b) Những kết quả chưa đạt được:

Đánh giá và phân tích những kết quả chưa đạt được.

c) Nguyên nhân:

Đánh giá và phân tích những nguyên nhân không đạt được mục tiêu đề ra (cả chủ quan và khách quan).

5. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian mạng

a) Những kết quả đạt được

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian mạng...
- Các kết quả khác..

*** Ghi chú: Nội dung báo cáo phải nêu được số liệu về kết quả, hiệu quả mang lại tương ứng các nhiệm vụ.**

b) Những kết quả chưa đạt được:

Đánh giá và phân tích những kết quả chưa đạt được.

c) Nguyên nhân:

Đánh giá và phân tích những nguyên nhân không đạt được mục tiêu đề ra (cả chủ quan và khách quan).

IV ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung kết quả đạt được về các mặt.
2. Đánh giá chung về các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.
3. Các nội dung khác (nếu có)

PHẦN THỨ HAI

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỀ VIỆC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT TRONG TÌNH HÌNH MỚI

(GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035)

I. BỐI CẢNH VÀ YÊU CẦU

Trên cơ sở thực tiễn phát triển tại của cơ quan, tổ chức, xác định các nội dung sau:

- Các thách thức đối với ứng dụng, phát triển CNTT, công nghệ số, hoạt động chuyển đổi số, phát triển chính phủ số/chính quyền điện tử, kinh tế số, xã hội số tại cơ quan, địa phương

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp khắc phục các hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 36-NQ/TW

2. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp mới để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số

Trên cơ sở thực tiễn phát triển tại của cơ quan, tổ chức, xác định các nội dung sau:

a) Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với ứng dụng và phát triển CNTT, công nghệ số, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số

b) Về hoàn thiện thể chế

Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện cho ứng dụng và phát triển CNTT, công nghệ số, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số

c) Về xây dựng hạ tầng thông tin, hạ tầng số quốc gia đồng bộ, hiện đại;

Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, hạ tầng số,... tạo nền tảng để phát triển quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số,...

d) Về ứng dụng CNTT, công nghệ số

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước và các tổ chức, đoàn thể bảo đảm thiết thực, hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng CNTT, công nghệ số với cải

cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, phát triển chính phủ số.

- Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị toàn diện của doanh nghiệp.

- Các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh ứng dụng CNTT, công nghệ số phục vụ đời sống người dân, phát triển xã hội số.

- Các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh ứng dụng CNTT, công nghệ số trong quốc phòng, an ninh.

đ) Về phát triển nguồn nhân lực CNTT

Đề xuất các giải pháp để phát triển nguồn nhân lực CNTT phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng,..

e) Về phát triển công nghiệp CNTT, công nghệ số

Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp tạo điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số.

g) Về bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho chuyển đổi số

i) Và các nhiệm vụ khác (nếu có)

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

1. Đề xuất, kiến nghị với BCH TW Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

2. Đề xuất, kiến nghị với Quốc hội

3. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ

4. Đề xuất, kiến nghị với các bộ, ngành, địa phương

PHỤ LỤC

1. Văn bản thể chế hóa

1.1 Luật

1.2 Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ

1.3 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1.4 Các văn bản khác

2. Số liệu về đầu tư cho CNTT giai đoạn 2014-2024

3. Số liệu nhân lực CNTT giai đoạn 2014-2024

3.1. Nhân lực CNTT trong cơ quan nhà nước (số lượng và tỷ lệ nhân lực chuyên trách CNTT trong tổng số nhân lực trong CQNN)

3.2. Nhân lực công nghiệp CNTT, điện tử - viễn thông, internet

4. Số liệu của ngành công nghiệp CNTT giai đoạn 2014-2024

5. Các nhiệm vụ, đề án, chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số

5.1 Các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển CNTT-TT, chuyển đổi số

5.2 Các chương trình, dự án quốc gia về CNTT-TT, chuyển đổi số

5.3 Các nội dung khác.